

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 06 tháng 01 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Đình Thịnh

Bà Nguyễn Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Trần Dương Công – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Ea Súp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09/9/2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 17/12/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 04A, xã B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 04A, xã B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Văn B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định ngày 10/12/1999. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn vợ chồng hay cãi nhau, sống với nhau không hạnh phúc, chị H đã đi xuất khẩu lao động đến đầu năm 2019 chị về sinh sống với anh B nhưng vợ chồng tiếp tục cãi nhau nên chị bỏ về nhà ngoại sinh sống, hiện nay vợ chồng sống ly thân. Xét thấy chị không còn tình cảm gì với chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Văn C, sinh ngày 13/9/2000 và Trần Thị H1, sinh ngày 24/12/2005. Sau khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cháu H1 cho

chị trực tiếp nuôi đến khi đủ 18 tuổi. Cháu C đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Văn B trình bày:

Anh và chị H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định ngày 10/12/1999. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, nhưng chị H đi xuất khẩu lao động bỏ lại con cho anh nuôi, rồi không muốn chung sống với anh B mà về nhà ngoại sinh sống, nên vợ chồng sống ly thân. Nay chị H nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, quá trình làm việc tại Tòa án anh chưa đồng ý ly hôn với chị H vì anh B cho rằng khoản nợ của ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – chi nhánh huyện E chưa trả xong nhưng tại phiên Tòa anh B cho rằng nếu chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng không giữ và đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung và cấp dưỡng: Có 02 con chung là Trần Văn C, sinh ngày 13/9/2000 và Trần Thị H1, sinh ngày 24/12/2005. Cháu C đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H1 đã học lớp 9 nên cháu lựa chọn ở với ai anh đều đồng ý. Đề nghị Tòa án lấy lời khai cháu H1.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: quá trình làm việc tại Tòa án anh trình bày vợ chồng anh chị khoản nợ chung 30.000.000 đồng vay tại ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – chi nhánh huyện Ea anh B yêu cầu chị H trả rồi mới đồng ý ly hôn, nhưng anh B không đồng ý làm đơn yêu cầu chia công nợ trong thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên tại phiên Tòa anh B cho rằng đối với số nợ trên anh sẽ yêu cầu B một vụ án chia tài sản chung và công nợ sau ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Tòa án đã T hành công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B không đồng ý ly hôn, còn chị H thì nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp căn cứ Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự, lập biên bản hoà giải không thành.

Ngày 04/10/2019 Tòa án nhận được đơn đề nghị nội dung có kê khai ra các khoản nợ, ngày 05/11/2019 anh B có đơn xin rút đơn đề nghị.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã T hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh B tại Ban tự quản thôn thôn 4A, xã B. Qua xác minh tại địa phương thì được biết chị H và anh B là vợ chồng, có cư trú tại thôn 4A, xã B, quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau, sau đó chị H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài khi về vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn nên chị H bỏ về nhà ngoại sinh sống, hiện nay vợ chồng chị H, anh B đã sống ly thân. Tòa án huyện Ea Súp đã T hành công khai chứng cứ và hòa

giải, phân tích các quy định của pháp luật nhưng chị H vẫn nhất quyết yêu cầu được ly hôn với anh B và có nguyện vọng nuôi con chung là Trần Thị H1, sinh ngày 24/12/2005 đến khi trưởng thành, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, còn anh B thì không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng còn số nợ chung 30.000.000 đồng vay tại ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – chi nhánh huyện E chưa trả, về con chung cháu H1 lựa chọn ở với ai anh B đều đồng ý. Quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại các buổi hòa giải Tòa án đã T hành phân tích, hướng dẫn anh B nếu muốn chia công nợ thì phải làm đơn yêu cầu chia công nợ theo quy định nhưng anh B không đồng ý và không làm đơn nên Tòa án không có căn cứ xem xét giải quyết. Do đó căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đưa vụ án ra xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án T hành lấy lời khai cháu Trần Thị H1. Tại biên bản lấy lời khai cháu H1 có nguyện vọng ở với mẹ là chị H

Tại phần tranh luận nguyên đơn chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng hay cãi nhau, sống với nhau không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, tính tình trái ngược, sống với nhau không hạnh phúc, mặc dù chị cố gắng níu kéo hàn gắn nhưng không được, hiện nay vợ chồng chị đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục sống chung cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh B và yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Thị H1 đến khi trưởng thành (18 tuổi), bị đơn anh B đồng ý ly hôn với chị H và đối với khoản nợ 30.000.000đ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Ea Súp thì anh sẽ yêu cầu B một vụ án dân sự khác, về phần con chung cháu H1 lựa chọn ở với ai, anh đều đồng ý với ý kiến, nguyện vọng của cháu H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người T hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự đều chấp hành pháp luật.

Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H, tuyên bố cho chị H được ly hôn với anh B, về con chung cháu C đã trên 18 tuổi nên không đặt ra để xem xét còn cháu H1 đã trên 7 tuổi nên quá trình làm việc cháu có nguyện vọng ở với chị H nên cần giao cháu H1 cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, về tài sản chung và công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy chị H và anh B cưới nhau trên cơ sở tình yêu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh Nam Định ngày 10/12/1999 theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn, cãi nhau, bất đồng quan điểm, tính tình trái ngược. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H và anh B đang sinh sống, thì Ban tự quản thôn 4A, xã B cho biết, quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau, sau đó chị H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài khi về vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn nên chị H bỏ về nhà ngoại sinh sống, hiện nay vợ chồng chị H, anh B đã sống ly thân. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị H nhất quyết đòi ly hôn với anh B, còn anh B không đồng ý ly hôn chỉ vì còn khoản nợ chung 30.000.000 đồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm giữa hai bên đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ kéo dài hôn nhân của các bên cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh B là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay, chị H có nguyện vọng được nuôi con là cháu Trần Thị H1, sinh ngày 24/12/2005 đến khi trưởng thành (18 tuổi), cháu H1 cũng có nguyện vọng được ở với chị H. Hội đồng xét xử nhận thấy cần tôn trọng nguyện vọng của cháu H1. Vì vậy giao cháu H1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Cháu Trần Văn C, sinh ngày 13/9/2000 đã trưởng thành các bên thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh B được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về công nợ: Chị H không yêu cầu giải quyết. Anh B có nêu ra vợ chồng anh còn khoản vay 30.000.000 đồng vay tại ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – chi nhánh huyện E chưa trả. Tòa án đã hướng dẫn anh B làm đơn yêu cầu chia công nợ chung theo quy định nhưng anh B không nộp đơn, tại phiên tòa anh B trình bày anh sẽ yêu cầu B một vụ án khác vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và dành quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản và công nợ sau ly hôn khi anh B có đơn yêu cầu.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào kHn 1 Điều 28; điểm a kHn 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83; Điều 110 Luật Hôn nhân & Gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Văn B

- *Về nuôi con chung*: Giao cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Thị H1, sinh ngày 24/12/2005 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Cháu Trần Văn C, sinh ngày 13/9/2000 đã trưởng thành các bên thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Anh B được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết

- *Về tài sản chung và công nợ*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Súp theo biên lai thu số 0003053 ngày 06/9/2019.

- Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS huyện Ea Súp;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện Ea Súp;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thông

